

Số: 99/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 29 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149; Điều 361, 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 88 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2024 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1985.

2/ Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989.

Cùng HKTT: Khu phố A, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 01/12/2015.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu là anh T và chị T1 (bố, mẹ đẻ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung T và chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau kết hôn anh chị chủ yếu là sống xa nhau vì công việc nên tình cảm vợ chồng không có. Năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng, kinh tế không tập trung, anh chị không thể nói chuyện cùng nhau, gia đình không khí lúc nào cũng căng thẳng. Nay, anh T và chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của anh T và chị T1 nên cần chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Nguyễn Chí H, sinh ngày 01/12/2015. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị T1 nuôi con. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về lệ phí*: Anh T và chị T1 tự nguyện thỏa thuận anh T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung T và chị Nguyễn Thị T1.

1.2. *Về con chung*: Anh chị thống nhất thỏa thuận chị T1 nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 01/12/2015. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu 3.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu anh T không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

1.3. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa: Anh Nguyễn Trung T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0000460 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS. TP Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ (GCNKH số 28, quyển số 01, ngày 08/7/2014);
- Lưu HS

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Anh

